

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3517 1936

Fax: (08) 3517 1935

Tháng 03 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	07 - 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2014</i>	10 - 11
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	12 - 43

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết (gọi tắt là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

NHÓM CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương:

Thành lập: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303614496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2004 và các giấy chứng nhận thay đổi sau này.

Hoạt động chính: Xây dựng các công trình: giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, điện; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị; Định giá, tư vấn, môi giới, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản.

Mã chứng khoán: PPI

Trụ sở chính: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Các Công ty con:

Tên công ty	Thành lập theo	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (VND)	Sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành (a)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101663439 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2012 và Giấy chứng nhận thay đổi lần 1 ngày 03 tháng 07 năm 2014.	Xây dựng	50.000.000.000	99,80%
Công ty TNHH Một thành viên PPI Land (b)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310537080 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2010.	Xây dựng	90.000.000.000	100,00%

- (a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn thực góp của Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành là 2.318.541.064 đồng, trong đó Công ty góp 100% vốn, các cổ đông khác chưa tiến hành góp vốn vào Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành;
- (b) Công ty TNHH Một thành viên PPI Land đã giải thể ngày 02 tháng 10 năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

NHÓM CÔNG TY (tiếp theo)

Các Công ty liên kết hợp nhất:

<i>Tên công ty</i>	<i>Thành lập theo</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Vốn điều lệ (VND)</i>	<i>Sở hữu (%)</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Kinh Bắc	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102345282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2007 và giấy chứng nhận thay đổi tiếp theo bao gồm giấy chứng nhận thay đổi gần nhất lần 4 ngày 11 tháng 05 năm 2011.	Xây dựng	7.000.000.000	49,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Cầu Long	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311569462 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 02 năm 2012 và giấy chứng nhận thay đổi tiếp theo bao gồm giấy chứng nhận thay đổi gần nhất lần 6 ngày 24 tháng 02 năm 2014.	Xây dựng	15.000.000.000	30,00%
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông sản Thái Bình Dương	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312104420 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2012 và giấy chứng nhận thay đổi tiếp theo bao gồm giấy chứng nhận thay đổi gần nhất lần 2 ngày 01 tháng 07 năm 2013.	Thương mại	20.000.000.000	45,00%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Nhóm Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Đức Tấn	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Phúc	Thành viên
Ông Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Thành viên
Ông Phạm Đức Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Đức Tấn	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2014)
Ông Vũ Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bãi nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2014)

Ban kiểm soát

Ông Hà Hữu Khương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Giang	Thành viên
Ông Bùi Mạnh Hùng	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2014)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015



Phạm Đức Tấn
Tổng Giám đốc



Số tham chiếu: 15-2-0017/BCKT/BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương ("Công ty"), bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, được lập ngày 24 tháng 03 năm 2015, từ trang 07 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 13 (mười ba) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương giữ 12 (mười hai) bản, chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 (một) bản.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Ngọc Tinh - Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN: 0132-2013-016-1


Tô Quang Tùng - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình
Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		861.922.624.384	751.322.156.224
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>3.784.491.005</i>	<i>10.413.631.113</i>
1. Tiền	111	4	3.784.491.005	10.413.631.113
<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>5</i>	<i>416.196.900.005</i>	<i>222.125.613.125</i>
1. Phải thu khách hàng	131	5.1	301.543.538.789	141.727.390.144
2. Trả trước cho người bán	132	5.2	99.785.149.519	67.903.985.937
3. Các khoản phải thu khác	135	5.3	19.082.769.749	12.494.237.044
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5.4	(4.214.558.052)	-
<i>III. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>381.119.743.465</i>	<i>471.489.274.012</i>
1. Hàng tồn kho	141	6	381.119.743.465	471.489.274.012
<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>60.821.489.909</i>	<i>47.293.637.974</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		65.424.412	15.206.360
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.557.032.866	14.806.450.360
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	7	8.021.268.584	3.143.793.673
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	49.177.764.047	29.328.187.581
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.275.335.396	26.045.999.442
<i>I. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>14.784.371.055</i>	<i>13.812.635.214</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	9.931.049.964	9.042.835.214
- Nguyên giá	222		15.584.870.447	14.455.445.166
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.653.820.483)	(5.412.609.952)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	4.769.800.000	4.769.800.000
- Nguyên giá	228		4.769.800.000	4.769.800.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		83.521.091	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>11</i>	<i>5.890.158.768</i>	<i>11.179.651.077</i>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11.1	5.590.158.768	11.679.651.077
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11.2	800.000.000	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	11.3	(500.000.000)	(500.000.000)
<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>2.600.805.573</i>	<i>1.053.713.151</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.600.805.573	1.053.713.151
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		885.197.959.780	777.368.155.666

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình
Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		548.290.616.728	511.042.752.006
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>476.747.030.899</i>	<i>448.114.040.641</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	256.816.672.945	297.367.757.717
2. Phải trả người bán	312	13	62.666.528.501	59.924.382.497
3. Người mua trả tiền trước	313		57.592.827.666	9.998.822.789
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	2.234.801.499	2.378.839.454
5. Phải trả người lao động	315		3.097.295.762	41.100.000
6. Chi phí phải trả	316	15	68.214.615.382	36.261.495.452
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	24.465.121.414	40.380.475.002
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.659.167.730	1.761.167.730
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>71.543.585.829</i>	<i>62.928.711.365</i>
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	71.543.585.829	62.928.711.365
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		336.907.343.052	266.325.403.660
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>18</i>	<i>336.907.343.052</i>	<i>266.325.403.660</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.490.530.000	140.490.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.773.603.651	86.080.207.303
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.410.313.978	22.410.313.978
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	10.928.656.865
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		29.232.895.423	6.415.695.514
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		885.197.959.780	777.368.155.666

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015



Phạm Thị Lan Hương
Người lập biểu

Tô Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng

Phạm Đức Tấn
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình
Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		352.734.820.231	103.606.860.986
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	352.734.820.231	103.606.860.986
4. Giá vốn hàng bán	11	20	309.149.429.915	83.050.109.517
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.585.390.316	20.556.751.469
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	127.044.343	124.454.486
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	22	7.145.556.764	8.662.101.572
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.145.556.764	7.840.531.257
8. Chi phí bán hàng	24	23	402.753.455	764.231.390
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	11.973.286.824	6.737.867.638
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.190.837.616	4.517.005.355
11. Thu nhập khác	31	25	477.272.727	12.697.341.424
12. Chi phí khác	32	26	1.498.199.173	13.779.660.916
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(1.020.926.446)	(1.082.319.492)
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết	45	27	(39.492.309)	(3.298.871.828)
15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		23.130.418.861	135.814.035
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	213.218.952	29.177.696
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.917.199.909	106.636.339
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.220	8

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Phạm Thị Lan Hương
Người lập biểu

Tô Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng

Phạm Đức Tấn
Tổng Giám đốc

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình
Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		23.130.418.861	135.814.035
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02	9	1.489.882.034	2.279.000.847
Các khoản dự phòng	03		4.214.558.052	500.000.000
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		940.842.428	4.430.576.500
Chi phí lãi vay	06		7.145.556.764	7.840.531.257
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.921.258.139	15.185.922.639
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(205.544.446.619)	17.937.041.788
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		88.511.020.878	(30.999.998.319)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		35.796.227.983	6.030.762.660
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(1.597.310.474)	(347.198.332)
Tiền lãi vay đã trả	13		(22.059.517.850)	(35.943.030.728)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.090.693.863)	(4.900.917.739)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(198.015.969)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(73.063.461.806)	(33.235.434.000)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.927.792.755)	(177.645.806)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		477.272.727	12.504.318.460
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.693.403.482)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		87.552.034	44.874.670
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(3.362.967.994)	10.678.143.842

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		101.733.500.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		100.024.980.339	140.796.641.750
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(131.961.190.647)	(110.267.540.616)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>69.797.289.692</i>	<i>30.529.101.134</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.629.140.108)	7.971.810.976
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	10.413.631.113	2.441.820.137
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	3.784.491.005	10.413.631.113

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015



Phạm Thị Lan Hương
Người lập biểu



Tô Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng





Phạm Đức Tấn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103002992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2004 và giấy chứng nhận thay đổi tiếp theo bao gồm giấy chứng nhận thay đổi gần nhất lần thứ 18 ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh: Xây dựng các công trình: giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, điện; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị; Định giá, tư vấn, môi giới, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản; Sản giao dịch bất động sản.

Các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính

Tên công ty	Thành lập theo	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (VND)	Sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành (a)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101663439 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2012 và Giấy chứng nhận thay đổi lần 1 ngày 03 tháng 07 năm 2014.	Xây dựng	50.000.000.000	99,80%
Công ty TNHH Một thành viên PPI Land (b)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310537080 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2010.	Xây dựng	90.000.000.000	100,00%

(a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn thực góp của Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành là 2.318.541.064 đồng, trong đó Công ty góp 100% vốn, các cổ đông khác chưa tiến hành góp vốn vào Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành;

(b) Công ty TNHH Một thành viên PPI Land đã giải thể ngày 02 tháng 10 năm 2014.

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình

Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701

Fax: (08) 3726 9872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính

<i>Tên công ty</i>	<i>Thành lập theo</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Vốn điều lệ (VND)</i>	<i>Sở hữu (%)</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Kinh Bắc	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102345282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2007 và giấy chứng nhận thay đổi tiếp theo bao gồm giấy chứng nhận thay đổi gần nhất lần 4 ngày 11 tháng 05 năm 2011.	Xây dựng	7.000.000.000	49,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Cửu Long	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311569462 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 02 năm 2012 và giấy chứng nhận thay đổi tiếp theo bao gồm giấy chứng nhận thay đổi gần nhất lần 6 ngày 24 tháng 02 năm 2014.	Xây dựng	15.000.000.000	30,00%
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông sản Thái Bình Dương	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312104420 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2012 và giấy chứng nhận thay đổi tiếp theo bao gồm giấy chứng nhận thay đổi gần nhất lần 2 ngày 01 tháng 07 năm 2013.	Thương mại	20.000.000.000	45,00%

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính hợp nhất bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, kế toán trên máy tính.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi.

(Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Các công ty con: các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất: Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá gốc trừ dự phòng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm hàng hóa tồn kho bị giảm (do hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển, v.v) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định và khấu hao (tiếp theo)

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10	-	30	năm
Máy móc thiết bị	05	-	10	năm
Phương tiện vận tải	03	-	10	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	04	-	08	năm

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho phần giá trị các khoản đầu tư tài chính bị tổn thất do tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư vào bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản đủ điều kiện để vốn hóa. Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí chờ phân bổ

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 36 tháng:

- Đồ dùng, thiết bị văn phòng;
- Chi phí sửa chữa;
- Chi phí thuê văn phòng.

Phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính khác.

Nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

CHỈ TIÊU	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.436.159.844	2.222.751.729
Tiền gửi ngân hàng	2.348.331.161	8.190.879.384
Cộng	3.784.491.005	10.413.631.113

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

5.1. Phải thu khách hàng

CHỈ TIÊU	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phải thu hoạt động xây lắp	124.904.810.573	22.581.996.537
<i>Sở Giao thông vận tải Long An</i>	90.052.245.383	-
<i>Tổng CT ĐTPPT & QLDA HT GT Cửu Long</i>	8.205.741.019	-
<i>Cục quản lý đường bộ IV</i>	7.610.777.649	-
<i>Ban QLDA CTGT Long An</i>	973.857.417	6.505.458.487
<i>Ban QLDA đường HCM</i>	2.275.265.046	2.250.989.521
<i>Các khách hàng khác</i>	15.786.924.059	13.825.548.529
Phải thu hoạt động kinh doanh bất động sản	176.638.728.216	119.145.393.607
<i>Phải thu dự án Vĩnh Phú</i>	97.529.506.702	54.399.822.249
<i>Phải thu dự án Bến Lức</i>	69.885.913.385	64.577.571.358
<i>Phải thu dự án chung cư newtown</i>	9.223.308.129	168.000.000
Cộng	301.543.538.789	141.727.390.144

5.2. Trả trước người bán

CHỈ TIÊU	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty CP XDCT Cửu Long	10.437.014.423	8.695.477.338
Công ty CP XDCT Miền Đông	31.062.908.617	18.980.401.082
Công ty CP ĐT & XD Thái Bình Dương	13.837.779.508	-
Nhà máy sản xuất Ô tô 1-5	4.900.000.000	-
Smartcorp International (HK) Limited	1.566.955.800	-
Ban Giải phóng Mặt bằng Bến Lức	3.809.128.521	3.031.034.206
Trả trước người bán khác	34.171.362.650	37.197.073.311
Cộng	99.785.149.519	67.903.985.937

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.3. Phải thu khác

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Ông Nguyễn Quang Duy	12.991.942.249	11.807.622.125
Bà Trịnh Thị Nhung (a)	3.100.000.000	-
Ông Lê Hưng Hải (b)	2.150.000.000	-
Phải thu khác	840.827.500	686.614.919
Cộng	19.082.769.749	12.494.237.044

(a) Công ty chuyển nhượng 310.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương cho bà Trịnh Thị Nhung theo hợp đồng chuyển nhượng số 01 ngày 28 tháng 2 năm 2014. Thời hạn thanh toán cho Công ty bắt đầu từ tháng 04/2015 cho đến khi hết công nợ.

(b) Công ty chuyển nhượng 215.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Miền Đông cho ông Lê Hưng Hải theo hợp đồng chuyển nhượng số 02 ngày 28 tháng 2 năm 2014. Thời hạn thanh toán cho Công ty bắt đầu từ tháng 04/2015 cho đến khi hết công nợ.

5.4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Phải thu khách hàng	1.821.082.139	-
Trả trước người bán	2.393.475.913	-
Cộng	4.214.558.052	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

6. HÀNG TỒN KHO

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên liệu, vật liệu	11.954.545	16.778.184
Công cụ, dụng cụ	-	29.459.843
Hàng hóa	6.295.405.069	-
Hàng hóa bất động sản	837.000.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	373.975.383.851	471.443.035.985
<i>Dự án phát triển khu đô thị và căn hộ</i>	<i>365.207.841.083</i>	<i>451.806.263.981</i>
<i>Các công trình xây lắp và khác</i>	<i>8.767.542.768</i>	<i>19.636.772.004</i>
Cộng	381.119.743.465	471.489.274.012

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thuế TNDN nộp thừa	8.021.268.584	3.143.793.673
Cộng	8.021.268.584	3.143.793.673

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tạm ứng	49.135.764.047	29.242.859.681
Ký quỹ	42.000.000	85.327.900
Cộng	49.177.764.047	29.328.187.581

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CHỈ TIÊU	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị văn phòng		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	7.400.562.775		5.694.841.326		1.161.196.889		198.844.176		14.455.445.166
Mua trong năm	-		1.884.135.301		1.960.136.363		-		3.844.271.664
Thanh lý, nhượng bán	(1.482.263.636)		(1.175.208.571)		-		(57.374.176)		(2.714.846.383)
Số dư cuối năm	5.918.299.139		6.403.768.056		3.121.333.252		141.470.000		15.584.870.447
Hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	2.074.750.268		2.619.595.204		539.684.875		178.579.605		5.412.609.952
Khấu hao trong năm	272.631.946		898.579.612		306.511.724		12.158.752		1.489.882.034
Thanh lý, nhượng bán	(469.383.486)		(721.913.841)		-		(57.374.176)		(1.248.671.503)
Số dư cuối năm	1.877.998.728		2.796.260.975		846.196.599		133.364.181		5.653.820.483
Giá trị còn lại									
Số dư đầu năm	5.325.812.507		3.075.246.122		621.512.014		20.264.571		9.042.835.214
Số dư cuối năm	4.040.300.411		3.607.507.081		2.275.136.653		8.105.819		9.931.049.964

Trong đó nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 344.111.695 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình

Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701

Fax: (08) 3726 9872

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Quyền sử dụng đất VND</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	4.769.800.000
Số dư cuối năm	4.769.800.000
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.769.800.000
Số dư cuối năm	4.769.800.000

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

11.1. Đầu tư vào công ty liên kết:

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Công ty CPĐT & PT Hạ Tầng Kinh Bắc (a)	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Cửu Long (b)	4.564.976.147	4.539.103.246
Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thái Bình Dương (c)	1.025.182.621	1.090.547.831
Công ty CP XD CT Miền Đông (d)	-	2.450.000.000
Công ty CPĐT & XD Thái Bình Dương (d)	-	3.600.000.000
Cộng	5.590.158.768	11.679.651.077

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102345282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2007 và các giấy chứng nhận thay đổi sau này, phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 49% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Kinh Bắc tương đương 3.430.000.000 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã góp 1.536.364.950 đồng, chiếm tỷ lệ 49,70% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Kinh Bắc.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311569462 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 02 năm 2012 và các giấy chứng nhận thay đổi sau này, phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Cửu Long, tương đương 4.500.000.000 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã góp 4.500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 85,71% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Cửu Long.

(Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất)

Fax: (08) 3726 9872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312104420 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2012 và các giấy chứng nhận thay đổi sau này, phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 45% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thái Bình Dương, tương đương 9.000.000.000 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã góp 2.892.157.955 đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thái Bình Dương.

(d) Xem thuyết minh số 11.2.

11.2. Đầu tư dài hạn khác:

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty CP XD CT Miền Đông (a)	300.000.000	-
Công ty CP ĐT & XD Thái Bình Dương (b)	500.000.000	-
Cộng	800.000.000	-

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304827095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau này, phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 35% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Miền Đông, tương đương 2.450.000.000 đồng. Ngày 28 tháng 02 năm 2014 Công ty chuyển nhượng 215.000 cổ phần "Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Miền Đông", tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Miền Đông sau khi chuyển nhượng là 4,29% tương đương 300.000.000 đồng.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305658668 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2008 và các giấy chứng nhận thay đổi sau này, phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương, tương đương 3.600.000.000 đồng. Ngày 28 tháng 02 năm 2014 Công ty chuyển nhượng 310.000 cổ phần "Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương", tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương sau khi chuyển nhượng là 4,17% tương đương 500.000.000 đồng.

11.3. Dự phòng giảm giá đầu tư:

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty CP ĐT và XD Thái Bình Dương	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000

(Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ghi chú</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Vay ngắn hạn (I)		218.634.570.445	280.209.402.417
Công ty Tài Chính Cao Su	a	25.534.376.667	81.132.072.667
BIDV – chi nhánh Long An	b	139.835.127.778	139.950.000.000
Vietinbank – chi nhánh Thủ Đức	c	16.800.000.000	29.920.000.000
Agribank – chi nhánh Miền Đông	d	17.200.000.000	17.500.000.000
Southern bank – phòng giao dịch Bình Triệu	e	840.000.000	840.000.000
Vay cá nhân	f	18.425.066.000	10.367.329.750
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức		-	500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 17) (II)		38.182.102.500	17.158.355.300
Cộng (I + II)		256.816.672.945	297.367.757.717

- Vay Công ty Tài Chính Cao Su với thời hạn vay từ 6 đến 12 tháng, lãi suất vay 14%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động xây dựng công trình, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Long An với thời gian vay từ 9 đến 12 tháng để bổ sung vốn lưu động xây dựng công trình, lãi suất 11% - 13%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- Vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - chi nhánh Thủ Đức với thời hạn vay từ 6 - 12 tháng để bổ sung vốn lưu động xây dựng công trình, lãi suất 10% - 10,5%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- Vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Miền Đông với thời gian vay 8 - 12 tháng để bổ sung vốn lưu động xây dựng công trình lãi suất 11%/năm, được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- Vay ngân hàng TMCP Phương Nam (Southernbank) - Phòng giao dịch Bình Triệu với thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 14% - 16%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- Vay cá nhân lãi suất 0% - 24%/năm, thời hạn vay từ 1 đến 12 tháng, mục đích vay để tài trợ vốn lưu động, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình

Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701

Fax: (08) 3726 9872

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Công ty Xây dựng Lê Phan – TNHH	5.569.846.320	-
Công ty CP ĐT & PT Công nghiệp 135 Long An	3.438.902.708	6.863.771.769
Công ty CP Xây lắp 801	1.149.770.167	1.174.024.882
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT	1.350.475.000	-
Công ty CP DV Đường cao tốc VN	1.531.104.236	1.961.104.236
Công ty TNHH MTV KCC	2.232.716.640	-
Công ty CP Miền Đông	9.299.679.742	9.299.679.742
Công ty TNHH Nguyễn Lê Nguyễn	3.115.412.352	284.398.772
Công ty TNHH XD TM Phú Minh Hải	1.114.161.099	-
Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức	11.821.300.000	25.656.944
Công ty TNHH MTV Raxin	1.075.838.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Tấn Kiệt	1.145.760.000	-
Công ty TNHH SL XD Tân Phú	1.281.284.004	-
Công ty TNHH ĐT TM & XNK Lâm Nguyễn	1.297.711.575	-
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Thái Bình Dương	-	14.759.460.612
Công ty TNHH ĐT & XD Phúc Long	-	3.312.000.000
Phải trả người bán khác	17.242.566.658	22.244.285.540
Cộng	62.666.528.501	59.924.382.497

(Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.835.880.554	2.121.335.345
Thuế thu nhập cá nhân	398.920.945	257.504.109
Cộng	2.234.801.499	2.378.839.454

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Chi phí lãi vay	30.288.993.226	16.063.848.336
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	37.761.622.156	20.037.647.116
Thù lao Hội đồng Quản trị	164.000.000	-
Chi phí hoạt động	-	160.000.000
Cộng	68.214.615.382	36.261.495.452

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Kinh phí công đoàn	87.215.533	123.456.901
Bảo hiểm xã hội	296.172.391	-
Bảo hiểm y tế	30.491.010	-
Bảo hiểm thất nghiệp	13.615.280	-
Phải trả phải nộp khác	24.037.627.200	40.257.018.101
<i>Công ty Cổ phần phát triển nhà Thủ Đức (*)</i>	<i>14.920.175.642</i>	<i>33.019.755.389</i>
<i>Xí nghiệp Xây dựng công trình Giao thông 1</i>	<i>2.418.809.883</i>	<i>2.418.809.883</i>
<i>Công ty CP XNK Nông sản Thái Bình Dương</i>	<i>355.540.863</i>	<i>338.561.863</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>6.343.100.812</i>	<i>4.479.931.123</i>
Cộng	24.465.121.414	40.380.475.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

- (*) Hợp tác theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 91/HĐHT-08 ngày 04 tháng 07 năm 2008 và các phụ lục bổ sung sau này để xây dựng dự án khu Dân cư Trung tâm giai đoạn 2, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An do Công ty làm chủ đầu tư. Theo hợp đồng trên, sản phẩm đất nền của dự án sẽ được chia cho hai bên theo tỉ lệ 51% cho Công ty và 49% dành cho Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức. Đến ngày 01 tháng 04 năm 2014, theo phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐHT thì hai bên phân chia sản phẩm theo tỉ lệ thỏa thuận mới là Công ty còn được nhận 35%, Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức được nhận 65%. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức đã góp 84.999.894.442 đồng và đã nhận 29.445,26 m² đất nền tương ứng 70.079.718.800 đồng. Dự án này còn đang tiếp tục thực hiện.

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ghi chú</i>	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Vay dài hạn (I)		109.725.688.329	80.087.066.665
BIDV – chi nhánh Long An	a	43.348.295.664	6.100.000.000
Vietinbank – chi nhánh Thủ Đức	b	3.000.000.000	3.000.000.000
Sacombank – chi nhánh Trần Hưng Đạo	c	63.377.392.665	63.987.066.665
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An		-	7.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (II)		38.182.102.500	17.158.355.300
Vietinbank – chi nhánh Thủ Đức		3.000.000.000	3.000.000.000
Sacombank – chi nhánh Trần Hưng Đạo		35.182.102.500	7.158.355.300
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An		-	7.000.000.000
Cộng (I – II)		71.543.585.829	62.928.711.365

- a. Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Long An với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 13%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động xây dựng công trình, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- b. Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) - chi nhánh Thủ Đức với thời hạn vay 36 tháng để tài trợ khu chung cư cao tầng Newtowner, lãi suất 12,5%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- c. Vay ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - chi nhánh Trần Hưng Đạo với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 14,3%/năm, mục đích vay thực hiện dự án khu phức hợp căn hộ và dịch vụ ven sông Sài Gòn, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	140.490.530.000	86.080.207.303	21.494.068.253	10.928.656.865	7.254.104.900	266.247.567.321					
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	106.636.339	106.636.339					
Trích lập các quỹ	-	-	916.245.725	-	(916.245.725)	-					
Chi thù lao HĐQT - BKS	-	-	-	-	(28.800.000)	(28.800.000)					
Số dư đầu năm nay	140.490.530.000	86.080.207.303	22.410.313.978	10.928.656.865	6.415.695.514	266.325.403.660					
Tăng vốn	110.000.000.000	-	-	-	-	110.000.000.000					
Lãi/(lỗ) sau thuế	-	-	-	-	22.917.199.909	22.917.199.909					
Sử dụng quỹ (*)	-	(43.040.103.652)	-	(10.928.656.865)	-	(53.968.760.517)					
Chi phí phát hành cổ phiếu PPI	-	(8.266.500.000)	-	-	-	(8.266.500.000)					
Chi thù lao HĐQT - BKS	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)					
Số dư cuối năm nay	250.490.530.000	34.773.603.651	22.410.313.978	-	29.232.895.423	336.907.343.052					

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2014, biên bản họp Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 14 tháng 08 năm 2014, Công ty sử dụng 50% phần thặng dư vốn cổ phần tương đương 43.040.103.652 đồng và toàn bộ quỹ dự phòng tài chính để bù đắp các khoản tổn thất trong kinh doanh. Việc sử dụng thặng dư vốn cổ phần và toàn bộ quỹ dự phòng tài chính để xử lý tổn thất đầu tư tài chính đã được sự chấp thuận của Bộ tài chính theo công văn số 13652/BTC-CĐKT ngày 26 tháng 09 năm 2014 và của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo công văn số 1476/SGDHCM-NY ngày 14 tháng 10 năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình

Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701

Fax: (08) 3726 9872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.049.053	14.049.053
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>25.049.053</i>	<i>14.049.053</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.049.053	14.049.053
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>25.049.053</i>	<i>14.049.053</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. DOANH THU

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu của hoạt động kinh doanh bất động sản	177.149.980.550	40.025.231.536
Doanh thu của hoạt động xây lắp	146.883.145.015	50.070.207.663
Doanh thu hoạt động thương mại, dịch vụ	28.701.694.666	13.511.421.787
Cộng	352.734.820.231	103.606.860.986

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	140.366.664.650	21.131.448.998
Giá vốn của hoạt động xây lắp	139.392.177.321	48.433.473.193
Giá vốn của hoạt động thương mại, dịch vụ	29.390.587.944	13.485.187.326
Cộng	309.149.429.915	83.050.109.517

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi tiền gửi	127.044.343	44.874.670
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	79.579.816
Cộng	127.044.343	124.454.486

(Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Chi phí lãi vay	7.145.556.764	7.840.531.257
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	23.973.275
Lập dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	500.000.000
Chi phí tài chính khác	-	297.597.040
Cộng	7.145.556.764	8.662.101.572

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Chi phí nhân viên bán hàng	-	232.597.307
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	81.360.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.441.455	95.433.109
Chi phí bằng tiền khác	328.312.000	354.840.955
Cộng	402.753.455	764.231.390

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	3.116.641.132	2.366.091.894
Chi phí vật liệu quản lý	431.606.751	173.099.631
Chi phí đồ dùng văn phòng	86.651.334	225.971.241
Chi phí khấu hao TSCĐ	289.288.016	658.956.298
Thuế, phí và lệ phí	8.166.638	6.123.000
Chi phí dự phòng	4.214.558.052	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.474.875.742	2.314.819.244
Chi phí bằng tiền khác	1.351.499.159	992.806.330
Cộng	11.973.286.824	6.737.867.638

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình
Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

25. THU NHẬP KHÁC

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thu thanh lý tài sản cố định	477.272.727	12.504.318.460
Thu nhập khác	-	193.022.964
Cộng	477.272.727	12.697.341.424

26. CHI PHÍ KHÁC

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.482.953.064	13.680.897.802
Chi phí khác	15.246.109	98.763.114
Cộng	1.498.199.173	13.779.660.916

27. THU NHẬP/ (LỖ) TỪ CÔNG TY LIÊN KẾT

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Kinh Bắc	-	(1.536.364.950)
Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thái Bình Dương	(65.365.210)	(1.801.610.124)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Cửu Long	25.872.901	39.103.246
Cộng	(39.492.309)	(3.298.871.828)

(Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Tổng lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế (1)	23.130.418.861	135.814.035
Điều chỉnh tăng lợi nhuận (2)	4.319.729.725	3.318.871.828
Điều chỉnh giảm lợi nhuận (3)	(26.616.039.715)	(3.337.975.074)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay (4)=(1)+(2)+(3)	834.108.871	116.710.789
Thuế suất (5)	22%	25%
Thuế TNDN ước tính năm nay (6)=(4)*(5)	183.503.952	29.177.696
Thuế TNDN năm 2012 bị truy thu (7)	29.715.000	-
Chi phí thuế TNDN năm nay (8)=(6)+(7)	213.218.952	29.177.696

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	22.917.199.909	106.636.339
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lãi/ (lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3 = 1 + 2)	22.917.199.909	106.636.339
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (4)	18.780.560	14.049.053
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5 = 3/4)	1.220	8

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình

Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701

Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.976.277.952	1.812.830.039
Chi phí nhân công	12.252.181.879	6.207.763.314
Chi phí vật liệu quản lý	431.606.751	461.054.373
Chi phí công cụ, dụng cụ	86.651.334	357.281.260
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.471.274.605	2.279.000.847
Chi phí máy thi công	1.921.303.881	179.609.538
Chi phí thuê, phí và lệ phí	8.166.638	6.123.000
Chi phí dự phòng	4.214.558.052	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.351.404.893	10.521.608.631
Chi phí bằng tiền khác	48.984.431.768	47.477.299.144
Chi phí nhà thầu	98.408.890.868	86.459.607.205
Cộng	206.106.748.621	155.762.177.351

(Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình

Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701

Fax: (08) 3726 9872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Giá trị VND</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Cửu Long	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	666.419.999
		Giao thầu xây lắp	29.808.602.253
		Bán tài sản	477.272.727
		Mua tài sản	85.227.273
		Cho thuê văn phòng	49.090.908
		Thuê xe	150.000.000
Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thái Bình Dương	Công ty liên kết	Mượn tiền	45.000.000
		Trả tiền mượn	28.021.000

b. Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phải thu/ (Phải trả) VND</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Cửu Long	Công ty liên kết	Bán tài sản	679.872.963
		Ứng trước tiền giao thầu xây lắp	10.147.014.423
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Kinh Bắc	Công ty liên kết	Giao thầu xây lắp	(583.542.323)
Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thái Bình Dương	Công ty liên kết	Mượn tiền	(355.540.863)

c. Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	2.303.322.401	1.407.242.569

(Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

32. THÔNG TIN BỘ PHẬN

a. Báo cáo bộ phận - theo lĩnh vực kinh doanh

	<i>Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014</i>			
	<i>Hoạt động bất động sản</i>	<i>Hoạt động xây lắp</i>	<i>Khác</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu và thu nhập khác	177.149.980.550	146.883.145.015	29.306.011.736	353.339.137.301
Chi phí trực tiếp	(140.366.664.650)	(139.392.177.321)	(29.390.587.944)	(309.149.429.915)
Chi phí phân bổ	(16.692.358.318)	(2.722.526.800)	(1.644.403.407)	(21.059.288.525)
Lợi nhuận trước thuế	20.090.957.582	4.768.440.894	(1.728.979.615)	23.130.418.861
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm)	(26.616.039.715)	4.319.729.725	-	(22.296.309.990)
Thu nhập chịu thuế	(6.525.082.133)	9.088.170.619	(1.728.979.615)	834.108.871
Chuyển lỗ của các hoạt động	6.525.082.133	(8.254.061.748)	1.728.979.615	-
Thu nhập tính thuế	-	834.108.871	-	834.108.871
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	183.503.952	-	183.503.952
Chi phí thuế TNDN bị truy thu	-	29.715.000	-	29.715.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.090.957.582	4.555.221.942	(1.728.979.615)	22.917.199.909

Thông tin về tài sản bộ phận và công nợ bộ phận: Công ty không theo dõi và báo cáo tài sản và công nợ theo bộ phận.

b. Báo cáo bộ phận - theo khu vực địa lý

	<i>Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014</i>					
	<i>Thành phố</i>	<i>Long An</i>	<i>Miền Trung</i>	<i>Khác</i>	<i>Cộng</i>	
	<i>Hồ Chí Minh</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu thuần, bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.647.300.411	211.481.792.262	16.873.634.389	77.732.093.169	352.734.820.231	

(Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.784.491.005	-	10.413.631.113	-	3.784.491.005	10.413.631.113
Phải thu khách hàng	301.543.538.789	1.821.082.139	141.727.390.144	-	299.722.456.650	141.727.390.144
Trả trước cho người bán	99.785.149.519	2.393.475.913	67.925.985.937	-	97.391.673.606	67.925.985.937
Phải thu khác	19.082.769.749	-	12.494.237.044	-	19.082.769.749	12.494.237.044
Đầu tư tài chính dài hạn	6.390.158.768	500.000.000	11.679.651.077	500.000.000	5.890.158.768	11.179.651.077
Cộng	430.586.107.830	4.714.558.052	244.240.895.315	500.000.000	425.871.549.778	243.740.895.315
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ ngắn hạn	256.816.672.945	-	297.367.757.717	-	256.816.672.945	297.367.757.717
Phải trả người bán	62.666.528.501	-	59.946.382.497	-	62.666.528.501	59.946.382.497
Người mua trả tiền trước	57.592.827.666	-	9.998.822.789	-	57.592.827.666	9.998.822.789
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.234.801.499	-	2.378.839.454	-	2.234.801.499	2.378.839.454
Chi phí phải trả	68.214.615.382	-	36.261.495.452	-	68.214.615.382	36.261.495.452
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	24.465.121.414	-	40.380.515.159	-	24.465.121.414	40.380.515.159
Vay và nợ dài hạn	71.543.585.829	-	62.928.711.365	-	71.543.585.829	62.928.711.365
Cộng	543.534.153.236	-	509.262.524.433	-	543.534.153.236	509.262.524.433

(Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, các khoản vay, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

34. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán và các khoản vay có lãi suất cố định.

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Công ty không phải chịu rủi ro về giá thị trường vì không nắm giữ bất kỳ khoản đầu tư nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 ngoại trừ khoản đầu tư vào công ty liên kết và khoản đầu tư dài hạn khác ở thuyết minh số 11.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

34. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn, giảm giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i> <i>VND</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i> <i>VND</i>	<i>Giảm giá</i> <i>VND</i>
Phải thu khách hàng	6.070.273.801	6.070.273.801	-
Trả trước người bán	2.393.475.913	2.393.475.913	-
Cộng	8.463.749.714	8.463.749.714	-

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

34. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

<i>Công nợ tài chính</i>	<i>Dưới 01 năm VND</i>	<i>Từ 01 đến 05 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Cộng VND</i>
Cuối năm				
Vay	256.816.672.945	71.543.585.829	-	328.360.258.774
Phải trả người bán	62.666.528.501	-	-	62.666.528.501
Người mua trả tiền trước	57.592.827.666	-	-	57.592.827.666
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.234.801.499	-	-	2.234.801.499
Chi phí phải trả	68.214.615.382	-	-	68.214.615.382
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	24.465.121.414	-	-	24.465.121.414
Đầu năm				
Vay	297.367.757.717	62.928.711.365	-	360.296.469.082
Phải trả người bán	59.946.382.497	-	-	59.946.382.497
Người mua trả tiền trước	9.998.822.789	-	-	9.998.822.789
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.378.839.454	-	-	2.378.839.454
Chi phí phải trả	36.261.495.452	-	-	36.261.495.452
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	40.380.515.159	-	-	40.380.515.159

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

35. THÔNG TIN KHÁC

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

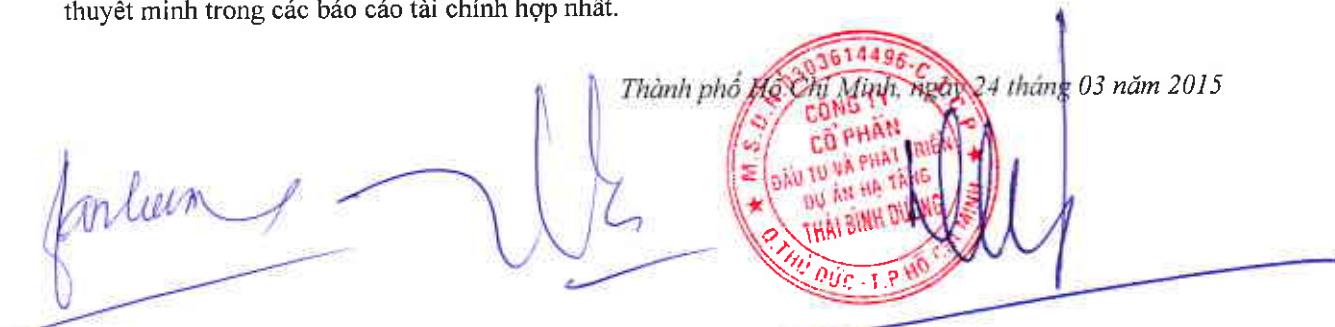
36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

37. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015



Phạm Thị Lan Hương
Người lập biểu

Tô Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng

Phạm Đức Tấn
Tổng Giám đốc

Số: 252 /TBD

Tp. HCM, ngày 26 tháng 3 năm 2015

V/v giải trình nguyên nhân biến động
kết quả kinh doanh năm 2014
so với năm 2013.

**KÍNH GỬI: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội.
- Căn cứ Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 5/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nay Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương, mã chứng khoán PPI, xin giải trình nguyên nhân biến động kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 so với năm 2013 như sau:

- Doanh thu năm 2013 là 103.626.860.986 đồng, doanh thu năm 2014 là 352.793.456.595 đồng, tăng 3,4 lần.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2014 là 23.015.328.582 đồng, tăng 264 lần so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận năm 2014 tăng mạnh là từ hoạt động kinh doanh bất động sản, là do từ quý 2 Công ty được UBND tỉnh Bình Dương cho phép điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết (6,4ha) thuộc dự án Khu dân cư Vĩnh Phú 2 – Thuận An – Bình Dương từ khu đất xây dựng chung cư cao tầng thành khu đất xây dựng nhà ở liên kế, đã giúp công ty có thêm sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng và đưa vào kinh doanh trong quý 3/2014.

Trong năm 2014 Công ty hoàn thành phân đoạn trong dự án Thủ thừa - Bình Thành, đẩy mạnh tiến độ hoàn thành các dự án sửa chữa cục bộ QL50, dự án đầu tư nâng cấp đường HCM đoạn Cây chanh cầu 38, Công trình N2 Củ Chi - Mỹ An, Công trình QL62 Tân Hưng cập kênh 79, QL 1 - Bình Định...

Năm 2014 tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều yếu tố thuận lợi hơn so với năm 2013, giá nhiên liệu, vật tư, lãi suất ngân hàng nhiều lần điều chỉnh giảm; Chính phủ ban hành nhiều chính sách mới tạo điều kiện hỗ trợ cho doanh nghiệp ổn định sản xuất, phát triển. Bên cạnh đó Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để tiết kiệm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, đặc biệt là giảm lãi vay do đã giảm một phần dư nợ vay và lãi suất vay giảm... đã ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lợi nhuận tăng mạnh trong năm 2014.

Trên đây là những nội dung giải trình về biến động kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương kính trình UBCK Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP.



K/T TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Cử nhân Nguyễn Ngọc Hà

Tp. HCM, ngày 26 tháng 3 năm 2015

V/v giải trình nguyên nhân biến động
số liệu trên bản cân đối quý 4 năm 2014
so với BCTC năm 2014 đã kiểm toán.

**KÍNH GỬI: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội.
- Căn cứ Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 5/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nay Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương, mã chứng khoán PPI, xin giải trình nguyên nhân thay đổi số liệu trên Bản CĐKT quý 4 năm 2014 so Báo cáo tài chính năm 2014 đã kiểm toán, như sau:

- Doanh thu sau kiểm toán giảm 1.540.482.469 đồng. Do việc phân loại doanh thu bán hàng và doanh thu nội bộ chưa phù hợp.
- Giá vốn hàng bán sau kiểm toán tăng: 10.620.111.716 đồng. Do trích lập dự phòng các khoản thu khó đòi 4.214.558.052 đồng ; tăng giá vốn của một số dự án bất động sản đã triển khai thực hiện nhưng hiện nay tạm ngưng đầu tư, một số công trình xây dựng hạ tầng giao thông chờ quyết toán 11.796.473.682 đồng, và tăng giảm một số khoản khác.
- Lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán giảm: 12.928.730.572 đồng.

Trên đây là những nội dung giải trình về biến động trên Bảng cân đối kế toán Quý 4 năm 2014 so với Bảng Cân đối kế toán năm 2014 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương kính trình UBCK Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VP.



**K/T TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Cử nhân Nguyễn Ngọc Hân**